

Bản án số: **1020/2020/HNGĐ – PT**

Ngày: 10 – 11 – 2020

Về việc tranh chấp tài sản chung
sau ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Bà Phạm Thị Thu Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Tào Minh Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 10/11/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 99/2020/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020 về “Tranh chấp tài sản chung sau ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 346/2020/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4720/2020/QĐ-PT ngày 28 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 17152/2020/QĐPT – HNGĐ ngày 21/10/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1978. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 144/3C/8 HP, Phường 8, Quận Y, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Minh H, sinh năm 1974. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 601/46 CMTT, Phường 15, Quận X, Thành phố H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Trẻ Nguyễn Thanh Mai, sinh năm 2011 có ông Nguyễn Văn Minh H và bà Nguyễn Thị Thanh N là người đại diện theo pháp luật. (Vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn Minh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn Minh H đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 409/2017/QĐST – HNGĐ ngày 12/6/2017 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H. Tại quyết định trên, bà N và ông H tự thỏa thuận về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, bà N cùng các con vẫn ở trong căn nhà số 601/46 đường CMTT, Phường 15, Quận X, Thành phố H. Tuy nhiên, ông H thường xuyên khóa trái cửa, không cho các con đi học, đuổi bà N ra khỏi nhà. Hiện nay, bà N và ông H không tự thỏa thuận với nhau về việc chia tài sản chung là căn nhà số 601/46 đường CMTT, Phường 15, Quận X, Thành phố H.

Về nguồn gốc căn nhà số 601/46 đường CMTT, Phường 15, Quận X, Thành phố H có diện tích là 48,7m² là của cha mẹ chồng bà là ông Nguyễn Văn C và bà Huỳnh Thị T. Trong quá trình sống cùng gia đình chồng, các bên đã bàn bạc và đồng ý bán lại cho bà N và ông H. Hai bên đã ra Phòng công chứng lập Hợp đồng mua bán chuyển nhượng số 030434/HĐ-MBN ngày 06/7/2009 tại Phòng Công chứng số 4, Thành phố H, cập nhật thay đổi vào ngày 13/7/2009 sang tên bà N và ông H. Năm 2010, bên hông nhà số 601/46 đường CMTT, Phường 15, Quận X có phần đất trống, diện tích 1,6m² không có tranh chấp và không có công trình công cộng đi ngang qua nên bà N và ông H xin được công nhận bổ sung và đã được cập nhật thay đổi diện tích đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 817074 số vào sổ cấp GCN: CH00298 do Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H cấp ngày 22/11/2010, có diện tích đất là 50,3m², cập nhật thay đổi 14/3/2012. Cuối năm 2010, do nhà cũ xuống cấp nên bà N và ông H đã xin giấy phép xây dựng số 118/GPXD.UBND do Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H cấp ngày 30/01/2011 để xây mới căn nhà với chi phí xây dựng và làm nội thất căn nhà là 1.800.000.000đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng).

Căn nhà trên hiện nay ông H và trẻ M đang quản lý và sử dụng, ngoài ra không có người nào khác.

Nay bà N cần có chỗ ở ổn định cho bản thân và các con nên bà N yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là căn nhà tại địa chỉ số 601/46 CMTT, Phường 15, Quận X, Thành phố H. Bà N yêu cầu được nhận ½ giá trị nhà và đất trên bằng tiền và không yêu cầu được lưu cư trong căn nhà này.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Minh H trình bày: Ông H và bà N đã ly hôn vào năm 2017 nhưng chưa thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung vợ chồng. Quá trình chung sống, ông H và bà N đã tạo lập được khối tài sản chung là căn nhà số 231 đường LMN, xã TTH, huyện CC, Thành phố H và căn nhà số 147/7/26J đường TKTQ, quận TP, Thành phố H (căn nhà này bà N tự ý bán mà không có sự đồng ý của ông H). Riêng căn nhà số 601/46 CMTT, Phường 15, Quận X, Thành phố H không phải là tài sản chung của vợ chồng mà là tài sản của ông H được thừa kế từ cha mẹ ông H. Do đó, ông H không đồng ý chia cho bà N. Ông H thừa nhận quá trình chung sống, ông H và bà N cùng xây mới và trang trí thiết bị nội thất cho căn nhà số 601/46 CMTT, Phường 15, Quận X, Thành phố H hết 1.800.000.000đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng).

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 346/2020/HNGĐ-ST ngày 30

tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xác định căn nhà và đất tại số 601/46 đường CMTT, Phường 15, Quận X, Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC817074, số vào sổ cấp GCN: CH00298 do Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H cấp ngày 22/11/2010, cập nhật thay đổi 14/3/2012 là tài sản chung thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Minh H và bà Nguyễn Thị Thanh N.

Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn Minh H mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và đất tại địa chỉ số 601/46 đường CMTT, Phường 15, Quận X, Thành phố H, tại thời điểm thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/8/2020, ông Nguyễn Văn Minh H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, ông Nguyễn Văn Minh H trình bày:

- Căn nhà và đất tại số 601/46 đường CMTT, Phường 15, Quận X, Thành phố H không phải là tài sản chung của vợ chồng, căn nhà là tài sản của cha mẹ ông H lập di chúc để lại cho ông H và các ông Nguyễn H và Nguyễn Văn O. Quá trình sử dụng, ông H và bà N có xây dựng lại nhà với số tiền 1.800.000.000đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng) và trang trí nội thất trong nhà. Cấp sơ thẩm khi giải quyết đã không đưa ông Nguyễn H và ông Nguyễn Văn O tham gia tố tụng là không đúng quy định của pháp luật.

- Trong quá trình vợ chồng còn chung sống, do làm ăn thất bại, ông H có vay của ông Trần Cao S số tiền 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng) và vay của ông Lê Phi H số tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng), tuy nhiên cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết.

- Cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết tài sản chung của vợ chồng ông H và bà N là căn nhà số 147/7/26G đường TKTQ, quận TP, Thành phố H.

Từ những trình bày nêu trên, ông H yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết:

- Xác định căn nhà số 601/46 đường CMTT, Phường 15, Quận X, Thành phố H là tài sản riêng của ông Nguyễn Văn Minh H.

- Không chấp nhận chia cho bà Nguyễn Thị Thanh N $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và đất tại địa chỉ số 601/46 đường CMTT, Phường 15, Quận X, Thành phố H.

- Ông H đồng ý trả lại cho bà N số tiền xây mới và trang trí thiết bị nội thất cho căn nhà số 601/46 CMTT, Phường 15, Quận X, Thành phố H, số tiền là 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng).

Sau khi thụ lý phúc thẩm, ngày 02/11/2020, bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn Minh H tự nguyện thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án cụ thể như sau:

1. Tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là:

Căn nhà và đất tại số 601/46 đường CMTT, Phường 15, Quận X, Thành

phố H, diện tích đất là 50,3m², tổng DTSD 174,8m², DTXD 36,3m², kết cấu nhà: Tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT, số tầng 04 + sân thượng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC817074, số vào sổ cấp GCN: CH00298 do Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H cấp ngày 22/11/2010, cập nhật thay đổi ngày 14/3/2012.

2. Về giá trị tài sản chung tranh chấp:

Căn nhà và đất tại số 601/46 đường CMTT, Phường 15, Quận X, Thành phố H, diện tích đất là 50,3m², tổng DTSD 174,8m², DTXD 36,3m², kết cấu nhà: Tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT, số tầng 04 + sân thượng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC817074, số vào sổ cấp GCN: CH00298 do Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H cấp ngày 22/11/2010, cập nhật thay đổi ngày 14/3/2012, trị giá là 4.000.000.000đ (Bốn tỷ đồng).

3. Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn Minh H thống nhất thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn, mỗi người 50% giá trị tài sản, cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn Minh H được trọn quyền sở hữu căn nhà và đất tại số 601/46 đường CMTT, Phường 15, Quận X, Thành phố H, diện tích đất là 50,3m², tổng DTSD 174,8m², DTXD 36,3m², kết cấu nhà: Tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT, số tầng 04 + sân thượng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC817074, số vào sổ cấp GCN: CH00298 do Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H cấp ngày 22/11/2010, cập nhật thay đổi ngày 14/3/2012.

- Ông Nguyễn Văn Minh H có nghĩa vụ giao trả cho bà Nguyễn Thị Thanh N giá trị ½ căn nhà và đất tại số 601/46 đường CMTT, Phường 15, Quận X, Thành phố H, diện tích đất là 50,3m², tổng DTSD 174,8m², DTXD 36,3m², kết cấu nhà: Tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT, số tầng 04 + sân thượng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC817074, số vào sổ cấp GCN: CH00298 do Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H cấp ngày 22/11/2010, cập nhật thay đổi ngày 14/3/2012 với số tiền là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng). Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn Minh H đã giao nhận tiền xong ngày 02/11/2020.

- Ông Nguyễn Văn Minh H được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký xác lập quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà đất đối với căn nhà và đất tại số 601/46 đường CMTT, Phường 15, Quận X, Thành phố H, diện tích đất là 50,3m², tổng DTSD 174,8m², DTXD 36,3m², kết cấu nhà: Tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT, số tầng 04 + sân thượng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC817074, số vào sổ cấp GCN: CH00298 do Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H cấp ngày 22/11/2010, cập nhật thay đổi ngày 14/3/2012.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh N, ông Nguyễn Văn Minh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn Minh H yêu cầu cấp phúc

thẩm công nhận sự thỏa thuận nêu trên và yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Minh H còn trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn Minh H: Ngày 02/11/2020, bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn Minh H tự nguyện thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án đã được cấp phúc thẩm lập biên bản ghi nhận, xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 346/2020/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Xét sự vắng mặt của các đương sự bà Nguyễn Thị Thanh N, ông Nguyễn Văn Minh H tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thanh N, ông Nguyễn Văn Minh H.

II. Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Văn Minh H có đơn kháng cáo ngày 12/8/2020 còn trong hạn luật định nên cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

III. Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn Minh H và sự thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án giữa bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn Minh H ngày 02/11/2020, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn Minh H về tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân chưa chia; về giá trị tài sản chung; về phương thức chia tài sản chung giữa bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn Minh H:

- Về tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân chưa chia:

Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn Minh H xác định căn nhà và đất tại số 601/46 đường CMTT, Phường 15, Quận X, Thành phố H, diện tích đất là 50,3m², tổng DTSD 174,8m², DTXD 36,3m², kết cấu nhà: Tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT, số tầng 04 + sân thượng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC817074, sổ vào sổ cấp

GCN: CH00298 do Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H cấp ngày 22/11/2010, cập nhật thay đổi ngày 14/3/2012 là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Xét thấy việc thỏa thuận nêu trên của bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn Minh H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp Điều 5, Điều 212, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

- Về giá trị tài sản chung tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn Minh H thỏa thuận giá trị căn nhà và đất tại số 601/46 đường CMTT, Phường 15, Quận X, Thành phố H, diện tích đất là 50,3m², tổng DTSD 174,8m², DTXD 36,3m², kết cấu nhà: Tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT, số tầng 04 + sân thượng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC817074, số vào sổ cấp GCN: CH00298 do Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H cấp ngày 22/11/2010, cập nhật thay đổi ngày 14/3/2012 là 4.000.000.000đ (Bốn tỷ đồng).

Xét thấy việc thỏa thuận nêu trên của bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn Minh H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm Quyết định số 02/2020/QĐ – UBND ngày 16/01/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố H, phù hợp Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 3 Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP – BTC ngày 28/3/2014 của Tòa án nhân dân Tối cao – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao – Bộ Tư pháp – Bộ Tài chính nên chấp nhận thỏa thuận giá trị tài sản chung tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn Minh H về giá trị căn nhà và đất tại số 601/46 đường CMTT, Phường 15, Quận X, Thành phố H, diện tích đất là 50,3m², tổng DTSD 174,8m², DTXD 36,3m², kết cấu nhà: Tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT, số tầng 04 + sân thượng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC817074, số vào sổ cấp GCN: CH00298 do Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H cấp ngày 22/11/2010, cập nhật thay đổi ngày 14/3/2012 là 4.000.000.000đ (Bốn tỷ đồng).

- Về phương thức chia tài sản chung mỗi người 50% giá trị tài sản:

+ Ông Nguyễn Văn Minh H được trọn quyền sở hữu căn nhà và đất tại số 601/46 đường CMTT, Phường 15, Quận X, Thành phố H, diện tích đất là 50,3m², tổng DTSD 174,8m², DTXD 36,3m², kết cấu nhà: Tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT, số tầng 04 + sân thượng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC817074, số vào sổ cấp GCN: CH00298 do Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H cấp ngày 22/11/2010, cập nhật thay đổi ngày 14/3/2012.

+ Ông Nguyễn Văn Minh H có nghĩa vụ giao trả cho bà Nguyễn Thị Thanh N giá trị ½ căn nhà và đất tại số 601/46 đường CMTT, Phường 15, Quận X, Thành phố H, diện tích đất là 50,3m², tổng DTSD 174,8m², DTXD 36,3m², kết cấu nhà: Tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT, số tầng 04 + sân thượng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC817074, số vào sổ cấp GCN: CH00298 do Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H cấp ngày 22/11/2010, cập nhật thay đổi ngày 14/3/2012 với số tiền là

2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng). Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn Minh H đã giao nhận tiền xong ngày 02/11/2020.

+ Ông Nguyễn Văn Minh H được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký xác lập quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà đất đối với căn nhà và đất tại số 601/46 đường CMTT, Phường 15, Quận X, Thành phố H, diện tích đất là 50,3m², tổng DTSD 174,8m², DTXD 36,3m², kết cấu nhà: Tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT, số tầng 04 + sân thượng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC817074, sổ vào sổ cấp GCN: CH00298 do Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H cấp ngày 22/11/2010, cập nhật thay đổi ngày 14/3/2012.

Xét thấy việc thỏa thuận nêu trên của bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn Minh H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp Điều 5, Điều 212, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn Minh H ngày 02/11/2020 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; căn cứ Điều 300, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 346/2020/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa Bản án sơ thẩm nên ông Nguyễn Văn Minh H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh N, ông Nguyễn Văn Minh H phải chịu trên giá trị tài sản chung được chia theo quy định tại Khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét ý kiến phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa, như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 5, Điều 104, Điều 147, Khoản 2 Điều 148, Điều 212, Điều 246, Điều 293, Khoản 2 Điều 296, Điều 300, Khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 33, 38, 39, 59, 63 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Minh H.

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự bà Nguyễn Thị Thanh N và

ông Nguyễn Văn Minh H; Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 346/2020/HNGĐ-ST ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H, cụ thể như sau:

II.1. Xác định căn nhà và đất tại số 601/46 đường CMTT, Phường 15, Quận X, Thành phố H, diện tích đất là 50,3m², tổng DTSD 174,8m², DTXD 36,3m², kết cấu nhà: Tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT, số tầng 04 + sân thượng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC817074, số vào sổ cấp GCN: CH00298 do Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H cấp ngày 22/11/2010, cập nhật thay đổi ngày 14/3/2012 là tài sản chung của vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn Minh H trong thời kỳ hôn nhân.

II.2. Phân chia tài sản chung của ông Nguyễn Văn Minh H và bà Nguyễn Thị Thanh N trong thời kỳ hôn nhân cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn Minh H được trọn quyền sở hữu căn nhà và đất tại số 601/46 đường CMTT, Phường 15, Quận X, Thành phố H, diện tích đất là 50,3m², tổng DTSD 174,8m², DTXD 36,3m², kết cấu nhà: Tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT, số tầng 04 + sân thượng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC817074, số vào sổ cấp GCN: CH00298 do Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H cấp ngày 22/11/2010, cập nhật thay đổi ngày 14/3/2012.

- Ông Nguyễn Văn Minh H có nghĩa vụ giao trả cho bà Nguyễn Thị Thanh N giá trị $\frac{1}{2}$ căn nhà và đất tại số 601/46 đường CMTT, Phường 15, Quận X, Thành phố H, diện tích đất là 50,3m², tổng DTSD 174,8m², DTXD 36,3m², kết cấu nhà: Tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT, số tầng 04 + sân thượng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC817074, số vào sổ cấp GCN: CH00298 do Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H cấp ngày 22/11/2010, cập nhật thay đổi ngày 14/3/2012 với số tiền là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng). Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn Minh H đã giao nhận tiền xong ngày 02/11/2020.

- Ông Nguyễn Văn Minh H được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký xác lập quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà đất đối với căn nhà và đất tại số 601/46 đường CMTT, Phường 15, Quận X, Thành phố H, diện tích đất là 50,3m², tổng DTSD 174,8m², DTXD 36,3m², kết cấu nhà: Tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT, số tầng 04 + sân thượng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC817074, số vào sổ cấp GCN: CH00298 do Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H cấp ngày 22/11/2010, cập nhật thay đổi ngày 14/3/2012.

Hai bên đương sự tự nguyện thi hành án hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành.

II.3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 72.000.000đ (Bảy mươi hai triệu đồng).

- Bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 72.000.000đ (Bảy mươi hai triệu đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 46.000.000đ (Bốn mươi sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0016883 ngày 14/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố H. Bà Nguyễn Thị Thanh N còn phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng).

II.4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Minh H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Minh H số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0014951 ngày 18/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố H.

II.5. Về chi phí định giá tài sản: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thanh N chịu 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) và ông Nguyễn Văn Minh H chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền chi phí định giá tài sản.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật thi hành.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- TAND Quận X, TP.H;
- Chi cục THADS Quận X, TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức